

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
MHC JOINT STOCK COMPANY**

Số/No.: 25 /2025/MHC

V/v: "Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024
- Công ty mẹ và CV giải trình"

Re: "Audited Financial Statements for 2024 –
Parent Company and Explanation Letter"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 28, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE
STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH STOCK
EXCHANGE**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDC)
(This document can be used for simultaneous disclosure to the SSC and HOSE.)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
To: - State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Company: MHC Joint Stock Company

Mã chứng khoán: MHC

Stock code: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Head office address: 18th Floor, No. 52, Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District,

Điện thoại/Tel. No.: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Person disclosing information: Nguyen Huy Quang

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Address: 18th Floor, No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung District, Hanoi.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) / Phone (mobile, office, home): 024 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Type of disclosure: 24 hours 72 hours Unusual Upon request Periodic

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 Công ty mẹ và Công văn giải trình.

Disclosed Information: Audited Financial Statements for 2024 Parent company and Explanation Letter.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: www.mhc.vn.

This information was disclosed on the company's website on March 28, 2025, at: www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for the contents disclosed.

Tài liệu đính kèm/ Attachments:

- BCTC đã kiểm toán năm 2024 Công ty mẹ;
Audited Financial Statements for 2024 Parent company;

- Công văn giải trình số 23/2025/MHC.
Explanation Letter No 23/2025/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
Legal Representative / Authorized Person
for Information Disclosure**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, title, seal)



KÊ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Huy Quảng



Số: 23/2025/MHC

V/v: "Giải trình BCTC năm 2024 đã
kiểm toán – Công ty mẹ"

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC đã kiểm toán năm 2024 của Công ty mẹ như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2024:

| | |
|--|---------------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024: | 557.792.900 VNĐ |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023: | 114.367.936.030 VNĐ |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2024: | 7.781.448.120 VNĐ |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2023: | 19.607.421.098 VNĐ |

Giải trình kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ (Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 giảm hơn 10% so với năm 2023):

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2024 giảm so với năm 2023 là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty mẹ năm 2024 giảm so với năm 2023. Nguyên nhân lớn làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2024 là do năm 2023 có phát sinh thêm hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023. Trong năm 2024 hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán của Công ty mẹ gặp nhiều khó khăn (dòng tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán giảm, nhà đầu tư có xu hướng chuyển dịch sang các kênh đầu tư khác).

Trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Bá Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 8 - 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 10 - 36 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715). Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/11/2024.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|--------------------|---------------|
| Ông Phạm Bá Huy | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Lê Việt Dũng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đức Lợi | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Phạm Bá Huy | Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty |
| Ông Nguyễn Đức Lợi | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Huy Quảng | Kế toán trưởng |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 03/3/2025, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT-MHC về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty sẽ góp 200.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu 40% để thành lập doanh nghiệp loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký là 500.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 36, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BA HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Số: 027/2025/BCKT-HT.00051

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần MHC có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần MHC, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM QUANG KHẢI

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

HOÀNG VĂN HÙNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4302-2024-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 207.046.068.842 | 169.506.771.705 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 1.735.579.539 | 3.762.095.016 |
| Tiền | 111 | | 1.735.579.539 | 3.762.095.016 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 160.616.472.308 | 129.227.253.312 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 160.616.472.308 | 129.227.253.312 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 43.298.979.555 | 35.221.054.050 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 330.185.943 | 946.118.563 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 241.081.809 | 504.548.695 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 12.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6 | 30.786.781.803 | 30.829.456.792 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (59.070.000) | (59.070.000) |
| Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.395.037.440 | 1.296.369.327 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 820.965.287 | 689.432.810 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.11 | 574.072.153 | 606.936.517 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 349.700.512.075 | 349.539.308.509 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.103.562.489 | 3.103.562.489 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6 | 3.103.562.489 | 3.103.562.489 |
| Tài sản cố định | 220 | | 2.342.172.034 | 2.727.540.838 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 2.342.172.034 | 2.727.540.838 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.080.435.591 | 3.115.010.599 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (738.263.557) | (387.469.761) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 5.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 344.254.777.552 | 343.708.205.182 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 347.640.000.000 | 347.640.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 1.734.000.000 | 1.734.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (15.119.222.448) | (15.665.794.818) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 556.746.580.917 | 519.046.080.214 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 40.310.863.091 | 10.391.810.508 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 40.310.863.091 | 10.391.810.508 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 3.921.048.493 | 3.938.123.786 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 1.863.671.412 | 792.640.866 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 632.371.237 | 648.323.600 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.12 | 414.145.718 | 140.356.192 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.13 | 3.140.631.866 | 3.111.564.674 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.9 | 28.591.192.975 | - |
| Quý khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.747.801.390 | 1.760.801.390 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.9 | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 516.435.717.826 | 508.654.269.706 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 516.435.717.826 | 508.654.269.706 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 434.763.180.000 | 414.069.640.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 434.763.180.000 | 414.069.640.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 28.614.580.000 | 28.614.580.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (1.200.000) | (1.200.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.712.225.710 | 8.712.225.710 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 44.346.932.116 | 57.259.023.996 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 36.565.483.996 | 37.651.602.898 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 7.781.448.120 | 19.607.421.098 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 556.746.580.917 | 519.046.080.214 |

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng






LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|----------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 557.792.900 | 114.367.936.030 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ | 10 | | 557.792.900 | 114.367.936.030 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 478.108.200 | 107.641.086.893 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 79.684.700 | 6.726.849.137 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 16.432.075.029 | 82.383.259.945 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 1.772.377.898 | 60.520.795.769 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 6.4 | 905.244.480 | 4.677.567.210 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.7 | 5.121.276.684 | 6.056.834.588 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.618.105.147 | 22.532.478.725 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 1.000.000 | 300.008.459 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 369.010 | 695.489.430 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 630.990 | (395.480.971) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.618.736.137 | 22.136.997.754 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.9 | 1.837.288.017 | 2.529.576.656 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 7.781.448.120 | 19.607.421.098 |

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 9.618.736.137 | 22.136.997.754 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 385.368.804 | 3.710.160.073 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (546.572.370) | (1.574.449.558) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 16.705.737 | 34.809.269 |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (899.967.981) | (10.771.868.301) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 905.244.480 | 4.677.567.210 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 9.479.514.807 | 18.213.216.447 |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | | 860.803.642 | 6.674.754.894 |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | 15.576.277 | (18.865.535) |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | | - | - |
| (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (31.389.218.996) | (72.334.152.292) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (644.730.704) | (4.678.821.784) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (792.640.866) | (1.136.935.790) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (13.000.000) | (60.159.693) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (22.483.695.840) | (53.340.963.753) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác | 21 | | - | (8.619.194.352) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | 116.231.398.896 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (65.658.834.782) | (138.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 56.658.834.782 | 135.000.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 150.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 865.987.388 | 2.667.038.966 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (8.134.012.612) | 107.429.243.510 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.1 | 69.450.243.294 | 773.294.945.540 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.2 | (40.859.050.319) | (851.279.496.676) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 28.591.192.975 | (77.984.551.136) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | (2.026.515.477) | (23.896.271.379) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5.1 | 3.762.095.016 | 27.658.366.395 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/11/2024.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các công ty con tại ngày 31/12/2024, bao gồm:**

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | % quyền biểu quyết | % lợi ích | Hoạt động chính |
|-----|--|--|--------------------|-----------|-------------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng | 100,00% | 100,00% | Dịch vụ vận tải |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư MHC | Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | 99,00% | 99,00% | Đầu tư tài chính |
| 3 | Công ty Cổ phần MHC Land | Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | 99,00% | 99,00% | Kinh doanh bất động sản |

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2024, bao gồm:

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | % quyền biểu quyết | % lợi ích | Hoạt động chính |
|-----|---|---|--------------------|-----------|-----------------|
| 1 | Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*) | Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM | 51,00% | 51,00% | Dịch vụ vận tải |

(*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 07 người (tại ngày 01/01/2024 là: 06 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận gia hạn) hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.7 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.16 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 102.207.102 | 423.559.268 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.633.372.437 | 3.338.535.748 |
| Các khoản tương đương tiền | - | - |
| Cộng | <u>1.735.579.539</u> | <u>3.762.095.016</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 160.616.472.308 | 185.755.292.850 | 129.227.253.312 | 184.160.731.246 |
| + Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | 53.742.011.130 | 60.657.970.000 | - | - |
| + CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | 27.235.792.500 | 31.265.000.000 | - | - |
| + Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam | 78.235.920.000 | 92.322.000.000 | - | - |
| - CTCP | | | | |
| + Giá trị cổ phiếu khác | 1.402.748.678 | 1.510.322.850 | 129.227.253.312 | 184.160.731.246 |
| Cộng | 160.616.472.308 | 185.755.292.850 | 129.227.253.312 | 184.160.731.246 |

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | - | (488.973.981) |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong năm | (400.769.766) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | 400.769.766 | 488.973.981 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | - | - |
| Số dư cuối năm | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| - Đầu tư vào công ty con | 347.640.000.000 | (13.985.127.714) | (*) | 347.640.000.000 | (14.531.700.084) | (*) |
| + Công ty Cổ phần đầu tư MHC | 196.020.000.000 | - | (*) | 196.020.000.000 | - | (*) |
| + Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | 15.000.000.000 | (3.671.055.678) | (*) | 15.000.000.000 | (3.172.560.577) | (*) |
| + Công ty Cổ phần MHC Land | 136.620.000.000 | (10.314.072.036) | (*) | 136.620.000.000 | (11.359.139.507) | (*) |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1.734.000.000 | (1.134.094.734) | (*) | 1.734.000.000 | (1.134.094.734) | (*) |
| + Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam | 1.734.000.000 | (1.134.094.734) | (*) | 1.734.000.000 | (1.134.094.734) | (*) |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 10.000.000.000 | - | (*) | 10.000.000.000 | - | (*) |
| + Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | - | (*) | 10.000.000.000 | - | (*) |
| Cộng | 359.374.000.000 | (15.119.222.448) | | 359.374.000.000 | (15.665.794.818) | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:**

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Số dư đầu năm | (15.665.794.818) | (16.751.270.395) |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong năm | (498.495.101) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | 1.045.067.471 | 1.085.475.577 |
| Số dư cuối kỳ | <u>(15.119.222.448)</u> | <u>(15.665.794.818)</u> |

- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- Thông tin chi tiết về các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.
 - Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và Công ty con, Công ty liên doanh liên kết (xem tại thuyết minh số 8.2).

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| + Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex | - | 613.395.720 |
| + Công ty Cổ phần Timescom Toàn Cầu | 270.015.943 | 270.015.943 |
| + Các khoản phải thu khách hàng khác | 60.170.000 | 62.706.900 |
| Cộng | <u>330.185.943</u> | <u>946.118.563</u> |

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| + Công ty Tư vấn Phát triển ĐT và Xây dựng | - | 65.500.000 |
| + Công ty CP SX, TM và DV Đại nguyên | - | 82.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Thekla | - | 227.096.392 |
| + Trả trước cho người bán khác | 241.081.809 | 129.952.303 |
| Cộng | <u>241.081.809</u> | <u>504.548.695</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| + Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn | 12.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | 12.000.000.000 | 3.000.000.000 |

Cho vay ngắn hạn thời hạn 06-12 tháng với lãi suất 6,5%/năm có tài sản đảm bảo.

5.6. Phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 30.786.781.803 | - | 30.829.456.792 | - |
| + Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 37.397.260 | - | - | - |
| + Ký cược, ký quỹ (i) | 30.696.582.044 | - | 30.806.582.044 | - |
| + Phải thu khác | 52.802.499 | - | 22.874.748 | - |
| Dài hạn | 3.103.562.489 | - | 3.103.562.489 | - |
| + Ký cược, ký quỹ (ii) | 3.103.562.489 | - | 3.103.562.489 | - |
| Cộng | 33.890.344.292 | - | 33.933.019.281 | - |

- i. Trong đó bao gồm tiền đặt cọc mua các bất động sản thuộc dự án Aqua Riverside City ký với Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova số tiền 30.692.582.044 đồng. Theo Văn bản thoả thuận và các phụ lục văn bản thoả thuận đã được các bên ký kết, thời gian dự kiến ký hợp đồng mua bán là 15/7/2025 và thời gian dự kiến bàn giao bất động sản là vào tháng 7 năm 2026.
- ii. Trong đó bao gồm tiền đặt cọc mua bất động sản thuộc dự án Tổ hợp khu du lịch thung lũng Đại Dương ký với Công ty Cổ phần Novareal số tiền 2.769.036.239 đồng. Theo Văn bản thoả thuận và các phụ lục văn bản thoả thuận đã được các bên ký kết, thời gian dự kiến ký hợp đồng mua bán là tháng 6 năm 2024 và thời gian dự kiến bàn giao bất động sản là vào tháng 9 năm 2026.

5.7. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công ty CP Nhựa Miền Trung | Trên 3 năm | 59.070.000 | - | Trên 3 năm | 59.070.000 | - |
| Cộng | | 59.070.000 | - | | 59.070.000 | - |

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | (59.070.000) | (59.070.000) |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong năm | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số dư cuối năm | (59.070.000) | (59.070.000) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Phương tiện vận | Thiết bị dụng | Tổng cộng |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| | tài, truyền dẫn | cụ quản lý | |
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 2.864.845.000 | 250.165.599 | 3.115.010.599 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 34.575.008 | 34.575.008 |
| Số dư cuối năm | 2.864.845.000 | 215.590.591 | 3.080.435.591 |
| Giá trị đã hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 186.723.942 | 200.745.819 | 387.469.761 |
| Khấu hao trong năm | 361.647.300 | 23.721.504 | 385.368.804 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (34.575.008) | (34.575.008) |
| Số dư cuối năm | 548.371.242 | 189.892.315 | 738.263.557 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.678.121.058 | 49.419.780 | 2.727.540.838 |
| Tại ngày cuối năm | 2.316.473.758 | 25.698.276 | 2.342.172.034 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 96.983.091 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|---------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Vay và nợ ngắn hạn | 28.591.192.975 | 28.591.192.975 | VND | VND | VND | - |
| + Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX | 20.581.716.081 | 20.581.716.081 | 51.650.875.308 | 31.069.159.227 | - | - |
| + Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) | 8.009.476.894 | 8.009.476.894 | 17.799.367.986 | 9.789.891.092 | - | - |
| b) Vay dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 28.591.192.975 | 28.591.192.975 | 69.450.243.294 | 40.859.050.319 | - | - |

Vay và nợ ngắn hạn là các khoản vay giao dịch kỳ quỹ của các công ty chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| + Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 988.817.357 | 988.817.357 | 988.817.357 | 988.817.357 |
| + Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long | 405.150.000 | 405.150.000 | 405.150.000 | 405.150.000 |
| + ISS Machinery Services | 367.673.541 | 367.673.541 | 390.060.588 | 390.060.588 |
| + Phải trả cho các đối tượng khác | 2.159.407.595 | 2.159.407.595 | 2.154.095.841 | 2.154.095.841 |
| Cộng | 3.921.048.493 | 3.921.048.493 | 3.938.123.786 | 3.938.123.786 |

Công ty không có khoản phải trả người bán là bên liên quan tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023.

Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Phải nộp**

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|-----------------------|--------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 9.911.948 | 9.911.948 | - |
| Thuế thu nhập DN | 792.640.866 | 1.837.288.017 | 792.640.866 | 1.837.288.017 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 74.004.289 | 47.620.894 | 26.383.395 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 792.640.866 | 1.924.204.254 | 853.173.708 | 1.863.671.412 |

Phải thu

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|-----------------------|--------------------|---------------------------|------------------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 574.072.153 | - | - | 574.072.153 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 32.864.364 | 32.864.364 | - | - |
| Cộng | 606.936.517 | 32.864.364 | - | 574.072.153 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 260.513.776 | - |
| Các khoản trích trước khác | 153.631.942 | 140.356.192 |
| Cộng | <u>414.145.718</u> | <u>140.356.192</u> |

5.13. Phải trả khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| + Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN | 67.471.127 | 39.136.127 |
| + Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội | 1.503.000.000 | 1.503.000.000 |
| + Cổ tức phải trả (*) | 1.102.828.650 | 1.102.828.650 |
| + Các khoản phải trả, phải nộp khác | 467.332.089 | 466.599.897 |
| Cộng | <u>3.140.631.866</u> | <u>3.111.564.674</u> |

(*) Cổ tức của các cổ đông chưa đến làm thủ tục nhận cổ tức.

Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| b) Dài hạn | | |
| + Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>-</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | LN sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 414.069.640.000 | 28.614.580.000 | (1.200.000) | 8.712.225.710 | 37.651.602.898 | 489.046.848.608 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 19.607.421.098 | 19.607.421.098 |
| Giảm vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - |
| Số dư đầu năm nay | 414.069.640.000 | 28.614.580.000 | (1.200.000) | 8.712.225.710 | 57.259.023.996 | 508.654.269.706 |
| Tăng vốn trong năm nay | 20.693.540.000 | - | - | - | - | 20.693.540.000 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 7.781.448.120 | 7.781.448.120 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | - | - | - | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (20.693.540.000) | (20.693.540.000) |
| Số dư cuối năm nay | 434.763.180.000 | 28.614.580.000 | (1.200.000) | 8.712.225.710 | 44.346.932.116 | 516.435.717.826 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 434.763.180.000 | 414.069.640.000 |
| Cộng | <u>434.763.180.000</u> | <u>414.069.640.000</u> |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 414.069.640.000 | 414.069.640.000 |
| + Vốn góp đầu năm | 414.069.640.000 | 414.069.640.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm (*) | 20.693.540.000 | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 434.763.180.000 | 414.069.640.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | <u>20.693.540.000</u> | <u>-</u> |

(*) Thực hiện theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MHC ngày 20/6/2024 theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 5%. Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 2.070.342 cổ phiếu tương đương 20.703.420.000 đồng, tỷ lệ thực hiện là 20:1, nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sở hữu của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023.

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|---------------------------|--------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 43.476.318 | 41.406.964 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 43.476.318 | 41.406.964 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 43.476.318 | 41.406.964 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 120 | 120 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 120 | 120 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 43.476.198 | 41.406.844 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 43.476.198 | 41.406.844 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | <u>-</u> | <u>-</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MHC ngày 20/6/2024 theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 5%.

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**Nợ khó đòi đã xử lý**

| Đối tượng công nợ | Nguyên nhân | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | | Năm xóa sổ | Giá trị | Năm xóa sổ | Giá trị |
| | | | VND | | VND |
| + Công ty TNHH Vận tải Sông Đào | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 328.000.000 | 2018 | 328.000.000 |
| + Công ty TNHH TM DV Phong Châu | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 84.000.000 | 2018 | 84.000.000 |
| + Công ty XD Công trình Đường thủy II | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 45.000.000 | 2018 | 45.000.000 |
| + Tàu ACHIEVER | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 447.223.065 | 2018 | 447.223.065 |
| + Công ty GNVN Quyết Tiến | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 238.100.000 | 2018 | 238.100.000 |
| + Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 218.016.797 | 2018 | 218.016.797 |
| + Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao (Transvina) | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 110.000.000 | 2018 | 110.000.000 |
| + Tàu OCEAN PARK | Nợ đọng lâu ngày | 2018 | 2.356.396 | 2018 | 2.356.396 |
| + Bransford International Ltd | Nợ đọng lâu ngày | 2013 | 1.510.085.635 | 2013 | 1.510.085.635 |
| + Far Shipping Lines Pte Ltd | Nợ đọng lâu ngày | 2013 | 832.800.000 | 2013 | 832.800.000 |
| + Công ty Obayashi Việt Nam | Nợ đọng lâu ngày | 2013 | 671.955.900 | 2013 | 671.955.900 |
| + Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel | Doanh nghiệp phá sản | 2012 | 1.007.000.000 | 2012 | 1.007.000.000 |
| + Tổng Công ty Xây dựng số 1 | Nợ đọng lâu ngày | 2012 | 353.441.000 | 2012 | 353.441.000 |
| + Bùi Tiến Học | Nợ đọng lâu ngày | 2020 | 25.500.000 | 2020 | 25.500.000 |
| + Các khoản công nợ khó đòi khác | Nợ đọng lâu ngày | 2012 | 1.406.380.106 | 2012 | 1.406.380.106 |
| Cộng | | | 7.279.858.899 | | 7.279.858.899 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu bán hàng | 557.792.900 | 567.959.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | 106.398.000 |
| + <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i> | - | 106.398.000 |
| Doanh thu bán bất động sản | - | 113.693.579.030 |

| | | |
|-------------|---------------------------|-------------------------------|
| Cộng | <u>557.792.900</u> | <u>114.367.936.030</u> |
|-------------|---------------------------|-------------------------------|

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | - | - |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 478.108.200 | 543.502.000 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | 2.702.161.181 |
| + <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i> | - | 2.702.161.181 |
| Giá vốn bất động sản | - | 104.395.423.712 |
| Cộng | <u>478.108.200</u> | <u>107.641.086.893</u> |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 290.282.981 | 658.905.499 |
| Lãi bán các khoản đầu tư, trái phiếu, khác | 15.533.107.048 | 79.716.220.446 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 608.685.000 | 2.008.134.000 |
| Cộng | <u>16.432.075.029</u> | <u>82.383.259.945</u> |

6.4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 905.244.480 | 4.677.567.210 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 1.262.503.888 | 57.382.868.848 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 16.705.737 | 34.809.269 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 899.264.867 | - |
| Các khoản hoàn nhập dự phòng | (1.445.837.237) | (1.574.449.558) |
| Chi phí tài chính khác | 134.496.163 | - |
| Cộng | <u>1.772.377.898</u> | <u>60.520.795.769</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.5. Thu nhập khác**

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|---------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.000.000 | 300.000.000 |
| Các khoản khác | - | 8.459 |
| Cộng | <u>1.000.000</u> | <u>300.008.459</u> |

6.6. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|---|-----------------------|---------------------------|
| Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhuận bán TSCĐ | - | 693.326.516 |
| Các khoản bị phạt | 369.010 | 2.162.914 |
| Cộng | <u>369.010</u> | <u>695.489.430</u> |

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.819.460.986 | 2.537.989.728 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 81.924.110 | 157.305.308 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 385.368.804 | 1.144.096.813 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 6.003.264 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.205.287.077 | 1.714.480.908 |
| Chi phí bằng tiền khác | 626.235.707 | 496.958.567 |
| Cộng | <u>5.121.276.684</u> | <u>6.056.834.588</u> |

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 81.924.110 | 157.305.308 |
| Chi phí nhân công | 2.819.460.986 | 2.537.989.728 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 385.368.804 | 3.710.160.073 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.208.287.077 | 106.252.005.805 |
| Chi phí khác bằng tiền | 626.235.707 | 496.958.567 |
| Cộng | <u>5.121.276.684</u> | <u>113.154.419.481</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | (i) | 1.837.288.017 | 2.529.576.656 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 1.837.288.017 | 2.529.576.656 |
| (i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành | | | |
| | | Năm nay | Năm trước |
| | | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán | | 9.618.736.137 | 22.136.997.754 |
| + Hoạt động SXKD | | 9.618.736.137 | 16.299.246.700 |
| + Hoạt động BĐS | | - | 5.837.751.054 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | | 176.388.946 | 788.466.702 |
| + Chi phí không hợp lệ | | 176.388.946 | 788.466.702 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | | (608.685.000) | (2.008.134.000) |
| + Cổ tức, lợi nhuận được chia | | (608.685.000) | (2.008.134.000) |
| Chuyển lỗ | | - | (8.269.447.175) |
| Thu nhập tính thuế | | 9.186.440.083 | 12.647.883.281 |
| Thuế suất | | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 1.837.288.017 | 2.529.576.656 |

6.10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | - | - |
| Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác | 69.450.243.294 | 773.294.945.540 |
| Cộng | 69.450.243.294 | 773.294.945.540 |

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | - | 76.311.785.727 |
| Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác | 40.859.050.319 | 774.967.710.949 |
| Cộng | 40.859.050.319 | 851.279.496.676 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 03/3/2025, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT-MHC về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty sẽ góp 200.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu 40% để thành lập doanh nghiệp loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký là 500.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

8.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

| TT | Tên bên liên quan | Mối quan hệ |
|----|--|------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | Công ty con |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư MHC | Công ty con |
| 3 | Công ty Cổ phần MHC Land | Công ty con |
| 4 | Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam | Công ty liên doanh liên kết |
| 5 | Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát | Quản lý chủ chốt của Công ty |

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Bá Huy | Chủ tịch HĐQT | 641.340.000 | 640.860.000 |
| Ông Nguyễn Đức Lợi | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 505.497.500 | 157.426.667 |
| Bà Nguyễn Thị Thuý Linh | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | - | 310.780.833 |
| Ông Lê Việt Dũng | Thành viên HĐQT | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Bà Nguyễn Tú Uyên | Trưởng Ban KS | 108.000.000 | 82.333.333 |
| Bà Nguyễn Thuý Nga | Thành viên Ban KS | 24.000.000 | 24.266.667 |
| Bà Trần Thị Nhiên | Thành viên Ban KS | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Nguyễn Huy Quảng | Kế toán trưởng | 290.600.000 | 285.020.000 |
| | | 1.689.437.500 | 1.620.687.500 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ/Giao dịch</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|----------------|------------------|
| | | VND | VND |
| Công ty Cổ phần MHC Land | Công ty con | | |
| Bán tài sản cố định | | - | 330.000.000 |

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

8.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY